

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn
Thông tin về Công ty

Quyết định số	3448/QĐ-UB 3449/QĐ-UB	ngày 9 tháng 7 năm 2004 ngày 9 tháng 7 năm 2004
----------------------	--------------------------	--

Các Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Giấy phép Kinh doanh	Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, ngày 12 tháng 12 năm 2006, ngày 13 tháng 12 năm 2006, ngày 30 tháng 3 năm 2007 và ngày 4 tháng 11 năm 2008. Vào ngày 15 tháng 10 năm 2009, giấy phép kinh doanh đã được điều chỉnh lần thứ 6 với số giấy phép kinh doanh mới là 0301154821.
-----------------------------	---

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ Ông Nguyễn Bình Minh Ông Tạ Phước Đạt Ông Võ Hiến Ông Tê Trí Dũng Ông Lương Quang Hiền Bà Hoàng Thị Thảo Ông Lê Điền Ông Lê Hùng	Chủ tịch Thành viên Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010) Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010) Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010) Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
--------------------------	--	--

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Vĩnh Thọ Ông Nguyễn Bình Minh Ông Tạ Phước Đạt Ông Võ Hiến Ông Phan Tuấn Dũng Ông Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
---------------------	---	--

Ban Kiểm soát	Ông Lê Xuân Đức Bà Nguyễn Phương Loan Ông Nguyễn Phúc Hưng Ông Nguyễn Công Bình	Trưởng ban Thành viên Thành viên (đến ngày 16 tháng 4 năm 2010) Thành viên (từ ngày 16 tháng 4 năm 2010)
----------------------	--	---

Trụ sở đăng ký	68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	---

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

**KPMG Limited**

10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP VỀ VIỆC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn**

Giới thiệu

Chúng tôi đã soát xét các bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con ("Tập đoàn") tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và các thuyết minh khác ("các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ") đã được Ban điều hành phê duyệt ngày 14 tháng 8 năm 2010. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban điều hành Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là phát hành báo cáo về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm phỏng vấn nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do vậy việc soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện kiểm toán và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện gì để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn ba tháng và sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định liên quan khác áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG
Việt Nam**

Giấy chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo soát xét số: 10-01-244



Trần Đình Vinh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		602.166.869.039	521.121.849.396
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	83.419.732.171	161.869.131.480
Đầu tư ngắn hạn	120	5	37.835.949.631	35.633.284.631
Đầu tư ngắn hạn	121		53.017.613.631	52.922.284.631
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(15.181.664.000)	(17.289.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255.908.963.110	211.516.014.380
Phải thu thương mại	131		109.930.871.197	75.924.078.311
Trả trước cho người bán	132	6	123.045.160.373	91.349.631.557
Phải thu khác	138		24.020.081.665	45.284.562.103
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(1.087.150.125)	(1.042.257.591)
Hàng tồn kho	140	8	197.028.419.081	94.686.470.498
Hàng tồn kho	141		201.767.989.397	99.346.719.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.739.570.316)	(4.660.249.164)
Tài sản ngắn hạn khác	150		27.973.805.046	17.416.948.407
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.073.601.203	5.741.079.982
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.173.816.570	4.693.133.139
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154		318.591.248	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		12.407.796.025	6.982.735.286
Tài sản dài hạn	200		1.346.081.486.806	1.271.229.163.268
Các khoản phải thu dài hạn	210		5.171.269.110	5.906.653.139
Tài sản cố định	220		452.078.356.240	405.096.824.068
Tài sản cố định hữu hình	221	9	47.674.273.855	39.564.151.684
Nguyên giá	222		73.081.865.558	62.599.137.759
Khấu hao lũy kế	223		(25.407.591.703)	(23.034.986.075)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	7.068.428.917	2.663.406.747
Nguyên giá	225		7.387.929.242	2.663.406.747
Khấu hao lũy kế	226		(319.500.325)	-
Tài sản cố định vô hình	227	11	47.658.761.820	48.163.896.768
Nguyên giá	228		51.826.697.940	51.815.314.940
Phân bổ lũy kế	229		(4.167.936.120)	(3.651.418.172)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	349.676.891.648	314.705.368.869
Bất động sản đầu tư	240	13	98.435.134.553	97.802.040.681
Nguyên giá	241		115.808.292.204	113.259.450.328
Khấu hao lũy kế	242		(17.373.157.651)	(15.457.409.647)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư dài hạn	250	14	724.129.544.161	698.266.809.107
Đầu tư vào công ty liên kết	252		243.363.032.083	237.921.906.002
Các đầu tư dài hạn khác (các lĩnh vực chiến lược)	258		533.886.888.512	523.140.161.479
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(53.120.376.434)	(62.795.258.374)
Tài sản dài hạn khác	260		66.267.182.742	64.156.836.273
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	32.138.949.121	26.946.046.843
Tài sản thuế hoãn lại	262	30	10.817.190.400	11.283.541.959
Ký quỹ dài hạn	268		23.311.043.221	25.927.247.471
TỔNG TÀI SẢN	270		1.948.248.355.845	1.792.351.012.664

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.120.554.798.400	980.573.939.038
Nợ ngắn hạn	310		637.183.590.150	351.373.850.225
Vay ngắn hạn	311	16	414.392.748.402	134.764.632.245
Phải trả thương mại	312		54.708.007.282	24.797.707.780
Khách hàng tạm ứng	313		31.059.927.596	35.641.166.672
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	17	16.401.236.266	30.333.507.769
Phải trả cho nhân viên	315		32.892.034.446	41.092.582.637
Chi phí trích trước	316	18	14.961.277.133	11.857.632.695
Phải trả khác	319		65.187.219.279	64.542.356.593
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		7.581.139.746	8.344.263.834
Nợ dài hạn	330		483.371.208.250	629.200.088.813
Phải trả dài hạn khác	333	19	143.229.968.691	139.653.361.951
Vay dài hạn	334	20	233.148.300.033	379.936.670.733
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		2.336.656.244	2.432.086.665
Nợ thuế hoãn lại	335	30	423.363.436	-
Doanh thu chưa thực hiện	338	21	104.232.919.846	107.177.969.464
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		702.391.698.533	705.475.235.184
Vốn chủ sở hữu	410		702.391.698.533	705.475.235.184
Vốn cổ phần	411	22	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu ngân quỹ	413	22	(467.729.002)	(16.000)
Chênh lệch tỷ giá	416		5.088.911.537	2.590.491.459
Quỹ đầu tư và phát triển	417		18.561.079.069	18.409.006.477
Quỹ dự phòng tài chính	418		8.207.256.354	8.193.091.918
Lợi nhuận chưa phân phối	419		103.981.592.272	109.262.073.027
LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	23	125.301.858.912	106.301.838.442
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.948.248.355.845	1.792.351.012.664

Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2009 VNĐ
Tổng doanh thu	01	24	936.293.255.552	555.921.968.069	1.700.487.250.586	1.137.619.823.408
Các khoản giảm trừ	03		(2.897.645.848)	1.195.554.155	(5.756.654.731)	(519.869.242)
Doanh thu thuần	10	24	933.395.609.704	557.117.522.224	1.694.730.595.855	1.137.099.954.166
Giá vốn hàng bán	11	25	(877.531.635.307)	(487.443.492.439)	(1.587.651.626.417)	(1.013.860.152.247)
Lợi nhuận gộp	20		55.863.974.397	69.674.029.785	107.078.969.438	123.239.801.919
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	13.794.756.795	7.306.455.712	16.158.070.800	8.138.779.167
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	(3.443.181.786)	3.612.781.302	(14.525.811.471)	(7.940.897.576)
Chi phí bán hàng	24		(23.074.833.238)	(14.501.714.880)	(42.379.176.087)	(31.757.120.689)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(22.228.661.226)	(17.314.583.488)	(38.134.377.304)	(30.547.174.057)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.912.054.942	48.776.968.431	28.197.675.376	61.133.388.764
(Lỗ)/thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết			(1.045.274.621)	5.989.936.648	2.713.503.271	5.988.766.274
Kết quả các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	4.457.603.883	2.477.442.227	11.545.004.464	7.088.965.709
Chi phí khác	32	29	(364.298.858)	(484.126.891)	(1.324.743.543)	(1.329.431.182)
Lợi nhuận trước thuế chuyển sang trang sau	50		23.960.085.346	56.760.220.415	41.131.439.568	72.881.689.565

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VND	
Lợi nhuận trước thuế	50		23.960.085.346	56.760.220.415	41.131.439.568	72.881.689.565
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	30	(3.641.857.135)	(8.109.523.830)	(7.304.651.777)	(14.567.023.593)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	30	(466.351.559)	(2.572.309.856)	(466.351.559)	(2.572.309.856)
Lợi nhuận thuần			19.851.876.652	46.078.386.729	33.360.436.232	55.742.356.116
Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số	61		1.755.449.042	5.225.275.499	5.596.754.501	8.877.473.924
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty	62		18.096.427.610	40.853.111.230	27.763.681.731	46.864.882.192
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		19.851.876.652	46.078.386.729	33.360.436.232	55.742.356.116
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	724	2.028	1.111	2.327

Người lập:

Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 7 năm 2009	203.610.400.000	180.876.300.000	(3.544.746.277)	5.071.043.999	16.297.891.956	6.685.128.527	102.971.214.930	511.967.233.135
Phát hành cổ phiếu	46.345.330.000	131.090.336.580	-	-	-	-	-	177.435.666.580
Phát hành lại cổ phiếu ngân quỹ	-	5.098.221.723	3.544.730.277	-	-	-	-	8.642.952.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	25.020.569.796	25.020.569.796
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.464.963.778)	-	-	-	(1.464.963.778)
Giảm giá trị đầu tư trong công ty liên kết do chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(1.015.588.762)	-	-	-	(1.015.588.762)
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	-	2.111.114.521	1.507.963.391	(6.327.254.889)	(2.708.176.977)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	(12.497.786.000)	(12.497.786.000)
Chi hoạt động cho Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(536.135.547)	(536.135.547)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	631.464.737	631.464.737
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(16.000)	2.590.491.459	18.409.006.477	8.193.091.918	109.262.073.027	705.475.235.184
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	-	-	(467.713.002)	-	-	-	-	(467.713.002)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	27.763.681.731	27.763.681.731
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	761.112.955	-	-	-	761.112.955
Tăng giá trị đầu tư trong công ty liên kết do chênh lệch tỷ giá	-	-	-	1.737.307.123	-	-	-	1.737.307.123
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	-	152.072.592	14.164.436	(166.237.028)	-
Phân bổ cho quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(5.972.709.388)	(5.972.709.388)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	-	(24.995.572.000)	(24.995.572.000)
Chi hoạt động cho Ban điều hành và Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(796.783.498)	(796.783.498)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(1.112.865.572)	(1.112.865.572)
Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2010	249.955.730.000	317.064.858.303	(467.729.002)	5.088.911.537	18.561.079.069	8.207.256.354	103.981.587.272	702.391.693.533

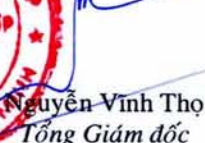
Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Vinh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6
năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		41.131.439.568	72.881.689.565
Điều chỉnh cho				
Khấu hao và phân bổ	02		5.850.400.795	4.960.725.915
Dự phòng	03		(11.658.004.254)	(40.451.127.816)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý tài sản			(3.186.045.158)	466.785.919
(Lãi)/lỗ từ kinh doanh chứng khoán			(66.670.399)	30.307.748.355
Chi phí lãi vay	06		24.612.234.249	14.890.419.043
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức			(5.790.082.624)	(5.434.697.222)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(2.713.503.271)	(5.988.766.274)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		48,179,768,906	71.632.777.485
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(56,127,216,844)	261.154.686
Biến động hàng tồn kho	10		(102,421,269,735)	9.863.407.071
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		28.939.994.576	63.273.932.234
			(81,428,723,097)	145.031.271.476
Lãi vay đã trả	13		(23.217.205.692)	(18.352.582.833)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(17.835.426.402)	(5.774.218.853)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3,406,272,558)	(3.621.050.965)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(125,887,627,749)	117.283.418.825
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(51.404.358.639)	(41.029.786.253)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		4.008.585.454	965.433.224
(Tăng)/giảm đầu tư dài hạn			(13.474.349.843)	1.953.531.897
Tiền chi kinh doanh chứng khoán			(28.658.601)	(13.810.728.104)
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		4,710,082,624	5.434.697.222
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30		(56,188,699,005)	(46.486.852.014)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
	Mã số	Thuyết minh	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			12.875.000.000	-
Mua lại cổ phiếu ngân quỹ	32		(467.713.002)	-
Thu từ nợ vay	33		880.927.116.368	253.826.038.049
Thanh toán nợ	34		(751.405.722.290)	(271.579.529.562)
Trả cổ tức cho cổ đông của Công ty			(36.895.582.515)	(16.111.983.200)
Thanh toán nợ thuê tài chính			(1.406.171.116)	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính	40		103.626.927.445	(33.865.474.713)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(78.449.399.309)	36.931.092.098
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		161.869.131.480	49.130.501.895
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	4	83.419.732.171	86.061.593.993

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010 VNĐ	30/6/2009 VNĐ
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	4.724.522.495	2.663.406.747

Người lập:


 Hoàng Thị Thảo
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Nguyễn Vĩnh Thọ
 Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2010

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Giấy phép Đầu tư số 3448/QĐ-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh bằng Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và kinh doanh: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe hơi, xe gắn máy và các phụ tùng xe của các hãng Toyota, Ford, GM-Daewoo, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; cung cấp dịch vụ đa ngành theo tiêu chuẩn quốc tế; cung cấp dịch vụ taxi, máy bán hàng tự động;
- Dịch vụ bất động sản đầu tư: đầu tư, phát triển các dự án bất động sản như cao ốc văn phòng, trung tâm thương mại, căn hộ, vila và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và mua cổ phần của các công ty khác hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh và dịch vụ, bất động sản, cơ sở hạ tầng, tài chính, ngân hàng và viễn thông.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 Tập đoàn có 959 nhân viên (31 tháng 12 năm 2009: 838 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính Giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo này cần được đọc với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(b) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của Tập đoàn vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

(iv) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại, nếu không trọng yếu, được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của các công ty con của Tập đoàn thì được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

(ii) Ghi nhận

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

(iii) Xác định giá trị

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

(iv) Giảm giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(v) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với hàng hóa và bình quân gia quyền đối với các khoản mục khác và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ khác	3 – 5 năm

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(i).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 4 năm.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 6 đến 22 năm.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

(p) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(q) Doanh thu

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) *Cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) *Thu nhập cổ tức*

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(v) *Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán*

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(r) *Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) *Chi phí vay*

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Công ty không có các cổ phiếu suy giảm tiềm tàng.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính đó.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày:

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Đầu tư tài chính		Tổng	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.656.887.226.569	1.071.795.202.256	53.166.427.958	72.728.727.712	3.548.515.399	6.703.569.639	1.713.602.169.926	1.151.227.499.607
Chi phí trực tiếp của bộ phận	(1.638.694.471.761)	(1.062.062.010.795)	(47.795.290.814)	(26.263.762.145)	3.798.771.295	4.220.428.371	(1.682.690.991.280)	(1.084.105.344.569)
Lợi nhuận bộ phận kinh doanh	18.192.754.808	9.733.191.461	5.371.137.144	46.464.965.567	7.347.286.694	10.923.998.010	30.911.178.646	67.122.155.038
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	-	-	-	11.545.004.464	7.088.965.709
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	(1.324.743.542)	(1.329.431.182)
							41.131.439.568	72.881.689.565
Khấu hao và phân bổ	10.411.651.789	3.383.965.900	1.409.209.355	1.576.760.015	-	-	11.820.861.144	4.960.725.915
Dự phòng	(2.312.248.338)	(40.701.024)	-	-	6.903.206.769	(40.410.426.792)	4.590.958.431	(40.451.127.816)
Mua tài sản cố định	38.719.292.264	16.497.316.513	11.237.132.090	17.438.971.558	-	-	49.956.424.354	33.936.288.071

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

	Dịch vụ thương mại		Dịch vụ bất động sản		Đầu tư tài chính		Tổng	
	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	492.853.757.326	399.157.077.095	73.947.348.267	73.369.186.230	39.711.384.693	37.312.044.112	606.512.490.286	509.838.307.437
Tài sản dài hạn	269.020.754.597	406.877.577.560	808.016.207.452	619.639.805.908	254.299.444.100	244.711.779.800	1.331.336.406.149	1.271.229.163.268
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	10.399.459.410	11.283.541.959
	761.874.511.923	806.034.654.655	881.963.555.719	693.008.992.138	294.010.828.793	282.023.823.912	1.948.248.355.845	1.792.351.012.664
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	351.605.293.587	258.969.874.570	138.573.037.042	90.189.272.919	86.967.625.116	12.872.937.200	577.145.955.745	362.032.048.689
Nợ dài hạn	115.397.725.364	206.034.310.020	347.284.649.556	360.230.932.613	80.726.467.735	52.276.611.716	543.408.842.655	618.541.854.349
	467.003.018.951	465.004.184.590	485.857.686.598	450.420.205.532	167.694.092.851	65.149.548.916	1.120.554.798.400	980.573.939.038

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)****4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	5.160.780.836	3.222.446.566
Tiền gửi ngân hàng	65.830.347.359	91.146.684.914
Tương đương tiền	12.400.000.000	67.500.000.000
Tiền đang chuyển	28.603.976	-
	83.419.732.171	161.869.131.480

Trong tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 có số ngoại tệ tương đương 56 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 68 triệu VNĐ).

5. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	17.289.000.000	24.100.465.852
Tăng dự phòng trong kỳ	1.040.475.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(3.147.811.000)	(1.327.613.202)
Số dư cuối kỳ	15.181.664.000	22.772.852.650

Trong khoản đầu tư ngắn hạn có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hoặc được giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 25.204 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 28.204 triệu VNĐ); giá thị trường cho các cổ phiếu này không thể được xác định một cách đáng tin cậy và thông tin tin cậy cho việc xem xét dự phòng giảm giá thì không có sẵn, vì vậy, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được ghi nhận theo nguyên giá.

6. Trả trước cho người bán

Trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 87.377 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 48.030 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	1.042.257.591	1.169.274.361
Tăng dự phòng trong kỳ	44.892.534	12.322.231
Số dư cuối kỳ	1.087.150.125	1.181.596.592

8. Hàng tồn kho

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Hàng mua đang đi đường	-	1.920.476.190
Vật tư và phụ tùng thay thế	4.652.607.254	4.229.837.343
Hàng hóa	197.115.382.143	93.196.406.129
	201.767.989.397	99.346.719.662
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.739.570.316)	(4.660.249.164)
	197.028.419.081	94.686.470.498

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.660.249.164	4.154.364.429
Tăng dự phòng trong kỳ	92.559.549	35.013.953
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(13.238.397)	(88.037.208)
Số dư cuối kỳ	4.739.570.316	4.101.341.174

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 18.198 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 6.440 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận chuyển VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	37.196.740.463	10.050.997.521	4.551.900.448	10.425.898.897	373.600.430	62.599.137.759
Tăng trong kỳ	9.133.337.221	1.395.941.261	543.123.999	85.287.455	108.862.364	11.266.552.300
Thanh lý	-	(473.524.940)	(310.299.561)	-	-	(783.824.501)
Phân loại lại	-	(473.347.184)	482.134.545	(8.787.361)	-	-
Số dư cuối kỳ	46.330.077.684	10.500.066.658	5.266.859.431	10.502.398.991	482.462.794	73.081.865.558
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu kỳ	11.651.624.412	5.150.103.621	2.530.371.058	3.329.286.554	373.600.430	23.034.986.075
Khấu hao trong kỳ	1.135.855.586	727.245.592	343.684.437	886.155.805	5.693.098	3.098.634.518
Thanh lý	-	(433.423.823)	(292.605.067)	-	-	(726.028.890)
Phân loại lại	-	(352.860.634)	352.952.550	(91.916)	-	-
Số dư cuối kỳ	12.787.479.998	5.091.064.756	2.934.402.978	4.215.350.443	379.293.528	25.407.591.703
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	25.545.116.051	4.900.893.900	2.021.529.390	7.096.612.343	-	39.564.151.684
Số dư cuối kỳ	33.542.597.686	5.409.001.902	2.332.456.453	6.287.048.548	103.169.266	47.674.273.855

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá là 15.079 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31 tháng 12 năm 2009: 14.398 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 2.556 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 2.287 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	2.663.406.747
Tăng trong kỳ	4.724.522.495
Số dư cuối kỳ	7.387.929.242
Khấu hao lũy kế	
Khấu hao trong kỳ và số dư cuối kỳ	319.500.325
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	2.663.406.747
Số dư cuối kỳ	7.068.428.917

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm vi tính VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	51.120.693.490	694.621.450	51.815.314.940
Tăng trong kỳ	-	11.383.000	11.383.000
Số dư cuối kỳ	51.120.693.490	706.004.450	51.826.697.940
Phân bổ lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.438.959.980	212.458.192	3.651.418.172
Phân bổ trong kỳ	438.350.256	78.167.692	516.517.948
Số dư cuối kỳ	3.877.310.236	290.625.884	4.167.936.120
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	47.681.733.510	482.163.258	48.163.896.768
Số dư cuối kỳ	47.243.383.254	415.378.566	47.658.761.820

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 14.634 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 45.739 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ
Số dư đầu kỳ	314.705.368.869
Tăng trong kỳ	38.285.109.340
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(2.548.841.876)
Thanh lý	(764.744.685)
Số dư cuối kỳ	349.676.891.648

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 166.114 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 161.013 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

13. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Nhà cửa VNĐ	Tổng VNĐ
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	57.306.554.900	55.952.895.428	113.259.450.328
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	2.548.841.876	2.548.841.876
Số dư cuối kỳ	57.306.554.900	58.501.737.304	115.808.292.204
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu kỳ	-	15.457.409.647	15.457.409.647
Khấu hao trong kỳ	-	1.915.748.004	1.915.748.004
Số dư cuối kỳ	-	17.373.157.651	17.373.157.651
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	57.306.554.900	40.495.485.781	97.802.040.681
Số dư cuối kỳ	57.306.554.900	41.128.579.653	98.435.134.553

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có tài sản với nguyên giá 4.893 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 (31 tháng 12 năm 2009: 4.893 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 77.395 triệu VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 83.487 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

14. Đầu tư dài hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	243.363.032.083	237.921.906.002
Đầu tư dài hạn khác	533.886.888.512	523.140.161.479
	777.249.920.595	761.062.067.481
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(53.120.376.434)	(62.795.258.374)
	724.129.544.161	698.266.809.107

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	237.921.906.002	223.894.353.641
Đầu tư mới	2.940.000.000	-
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	2.713.503.271	6.113.108.594
Cổ tức từ công ty liên kết	(808.974.928)	-
Giảm quỹ khen thưởng và phúc lợi và các quỹ khác	(1.398.531.229)	-
Tăng tài sản thuần do chênh lệch tỷ giá	1.737.307.123	4.367.193.176
Lãi từ thanh lý tài sản cố định đầu tư vào công ty liên kết	257.821.844	-
Số dư cuối kỳ	243.363.032.083	234.374.655.411

Trong đầu tư dài hạn khác có đầu tư vào cổ phiếu chưa được niêm yết hay giao dịch phổ biến trên thị trường với giá trị ghi sổ 318.638.932.590 VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: 294.721.932.590 VNĐ); giá thị trường của các cổ phiếu này chưa được định giá chắc chắn và chưa có thông tin tin cậy để xem xét về việc giảm giá cổ phiếu; do đó, khoản đầu tư vào các cổ phiếu này được thể hiện theo nguyên giá.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 13.713 triệu VNĐ, đầu tư dài hạn vào cổ phiếu với mệnh giá 90.268 triệu VNĐ, và đầu tư dài hạn khác với giá trị ghi sổ 51.334 triệu VNĐ được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (31 tháng 12 năm 2009: 13.713 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	62.795.258.374	100.596.074.417
Tăng dự phòng trong kỳ	5.075.013.846	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(14.749.895.786)	(39.082.813.590)
Số dư cuối kỳ	53.120.376.434	61.513.260.827

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty Comfort Delgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận tải ô tô và các dịch vụ tương tự khác tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,19%	25.691.896.532	23.708.149.910
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn	Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.825.132.595	1.831.887.896
Công ty Cổ phần Dana	Là đại lý cho Công ty TNHH Ford Việt Nam và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì và cho thuê phương tiện vận chuyển.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007	40%	5.815.499.481	5.668.065.506
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ bảo trì ô tô vận chuyển bằng ô tô, hàng thủ công, thức ăn, cơ sở hạ tầng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	42.493.081.697	41.673.458.611

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Tên	Hoạt động chính	Giấy phép Đầu tư	% quyền sở hữu	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	Kinh doanh, tư vấn và bỏ thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	49%	3.028.200.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành – Savico	Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, động cơ điện, phụ tùng xe, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, cho thuê xe ô tô và sửa chữa và bảo trì xe máy và dịch vụ bưu điện.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37%	2.111.119.892	1.851.170.058
Công ty TNHH Siêu xe	Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, phụ tùng xe hơi, phụ tùng xe, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, máy vi tính, máy ảnh; dịch vụ sửa chữa và bảo trì ô tô, vận chuyển bằng ô tô, cho thuê ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	37,5%	1.300.873.675	1.293.252.613
Công ty TNHH Savico -Vinaland	Xây dựng và quản lý trung tâm thương mại, cung cấp thuê văn phòng và các dịch vụ liên quan.	Giấy phép Đầu tư số 411022000214 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 10 năm 2008.	49,50%	161.097.228.211	161.895.921.408
				243.363.032.083	237.921.906.002

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí đất trả trước	14.055.740.774	16.175.432.980
Công cụ và dụng cụ	2.128.068.649	5.824.655.699
Chi phí trước hoạt động	15.899.219.115	4.199.160.437
Khác	55.920.583	746.797.727
	32.138.949.121	26.946.046.843

16. Vay ngắn hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Bằng Đô la Mỹ	17.798.405.293	10.300.000.000
Bằng VNĐ	306.480.355.309	87.238.862.045
	324.278.760.602	97.538.862.045
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	90.113.987.800	37.225.770.200
	414.392.748.402	134.764.632.245

Trong các khoản vay ngắn hạn có khoản 96.163 triệu VNĐ (31/12/2009: 39.540 triệu VNĐ) không được đảm bảo và 228.115 triệu VNĐ (31/12/2009: 57.998 triệu VNĐ) được đảm bảo bằng tài sản với giá trị ghi sổ 34.180 triệu VNĐ và mệnh giá của cổ phiếu là 90.268 triệu VNĐ (31/12/2009: 75.586 triệu VNĐ và 60.730 triệu VNĐ).

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,6% đến 18% một năm (2009: từ 3,6% đến 12,75%).

17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	206.513.922	3.850.749.035
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.926.745.398	24.457.520.023
Thuế thu nhập cá nhân	2.154.626.861	-
Thuế khác	113.350.085	2.025.238.711
	16.401.236.266	30.333.507.769

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

18. Chi phí trích trước

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.473.293.333	1.078.264.776
Chi phí thuê	4.201.554.863	2.662.852.652
Phí kiểm toán	204.864.349	1.045.376.182
Chi phí lương và các chi phí liên quan	1.789.891.768	1.099.162.755
Các chi phí khác	6.291.672.820	5.971.976.330
	14.961.277.133	11.857.632.695

19. Phải trả dài hạn khác

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ký quỹ dài hạn nhận được	9.284.781.395	10.011.121.947
Phải trả dài hạn khác (*)	133.945.187.296	129.642.240.004
	143.229.968.691	139.653.361.951

(*) Phải trả dài hạn khác thể hiện vốn góp phải trả cho một số dự án bất động sản.

20. Vay dài hạn

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản vay bằng Đô la Mỹ	36.000.000.000	82.224.660.795
Các khoản vay bằng VNĐ	281.689.360.270	332.683.203.954
	317.689.360.270	414.907.864.749
Nợ thuê tài chính	5.572.927.563	2.254.576.184
	323.262.287.833	417.162.440.933
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 16)	(90.113.987.800)	(37.225.770.200)
	233.148.300.033	379.936.670.733

Trong các khoản vay dài hạn có khoản 76.443 triệu VNĐ (31/12/2009: 63.000 triệu VNĐ) không được đảm bảo và 246.819 triệu VNĐ (31/12/2009: 309.779 triệu VNĐ) được đảm bảo bằng tài sản với giá trị ghi sổ 296.051 triệu VNĐ và đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 13.713 triệu VNĐ (31/12/2009: 284.292 triệu VNĐ và 13.713 triệu VNĐ).

Các khoản vay này chịu lãi suất từ 8.0% đến 16,3% một năm (2009: từ 11,3% đến 18.0%).

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Lịch hoàn trả các khoản vay dài hạn như sau:

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Trong vòng một năm	90.113.987.800	37.225.770.200
Từ hai đến năm năm	136.196.873.899	284.699.895.439
Trên năm năm	96.951.426.134	95.236.775.294
	323.262.287.833	417.162.440.933

(*) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang trong tương lai như sau:

	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	30/6/2010 VNĐ	
		Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Trong vòng một năm	2.702.482.308	1.219.232.008	1.483.250.300
Từ hai đến năm năm	5.250.817.677	1.161.140.414	4.089.677.263
	7.953.299.985	2.380.372.422	5.572.927.563

21. Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Doanh thu cho thuê đất	95.397.412.500	96.519.735.000
Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	8.338.877.365	-
Doanh thu cho thuê nhà	-	10.658.234.464
Khác	496.629.981	-
	104.232.919.846	107.177.969.464

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

22. Vốn cổ phần

	30/6/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu ngân quỹ	(13.615)	(467.729.002)	(1)	(16.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.981.958	249.488.000.998	24.995.572	249.955.714.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010		Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ	24.995.572	249.955.714.000	20.139.979	200.065.653.723
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong kỳ	(13.614)	(467.713.002)	-	-
Số dư cuối kỳ	24.981.958	249.488.000.998	20.139.979	200.065.653.723

23. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Kỳ từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 VNĐ	Kỳ từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ
Số dư đầu kỳ	106.301.838.442	79.466.426.625
Lãi thuần thuộc các cổ đông thiểu số trong kỳ	5.596.754.501	8.877.473.924
Góp vốn trong kỳ	12.875.000.000	-
Sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi do cổ đông thiểu số	-	(535.161.181)
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	(955.147.385)	-
Sử dụng chênh lệch tỷ giá	701.159.774	-
Điều chỉnh khác	782.253.580	-
Số dư cuối kỳ	125.301.858.912	87.808.739.368

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	
	30/6/2009 VNĐ		30/6/2009 VNĐ	
Tổng doanh thu				
▪ Bán hàng	913.080.841.235	525.764.504.818	1.624.075.039.644	1.014.517.759.142
▪ Dịch vụ	17.528.241.215	25.528.879.900	63.821.363.999	65.052.404.498
▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.684.173.102	4.628.583.351	12.590.846.943	7.954.209.768
▪ Doanh thu thanh lý bất động sản đầu tư	-	-	-	50.095.450.000
	936.293.255.552	555.921.968.069	1.700.487.250.586	1.137.619.823.408
Các khoản giảm trừ	(2.897.645.848)	1.195.554.155	(5.756.654.731)	(519.869.242)
Doanh thu thuần	933.395.609.704	557.117.522.224	1.694.730.595.855	1.137.099.954.166

25. Giá vốn hàng bán

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	
	30/6/2009 VNĐ		30/6/2009 VNĐ	
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Hàng hóa đã bán	845.688.133.683	463.968.619.278	1.512.354.921.125	958.308.213.725
▪ Dịch vụ cung cấp	25.416.170.584	19.753.295.819	73.301.636.136	52.226.558.996
▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	6.427.331.040	3.809.614.550	1.915.748.004	1.927.425.681
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(88.037.208)	79.321.152	(53.023.255)
▪ Bán bất động sản	-	-	-	1.450.977.100
	877.531.635.307	487.443.492.439	1.587.651.626.417	1.013.860.152.247

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thu lãi tiền gửi từ ngân hàng	852.314.353	482.438.224	2.133.088.871	646.074.254
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	255.436.000	2.697.025.400	521.121.000	2.697.025.400
Cổ tức	2.948.923.353	4.125.691.813	3.656.993.753	4.732.566.613
Lãi chênh lệch tỷ giá	71.225.407	1.300.275	166.741.221	7.056.545
Đầu tư tài chính khác	9.666.857.682	-	9.680.125.955	56.056.355
	13.794.756.795	7.306.455.712	16.158.070.800	8.138.779.167

27. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay ngân hàng	14.751.798.302	3.566.993.284	24.612.234.249	14.890.419.043
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	235.418.540	29.921.366.788	454.450.601	33.004.773.755
Lỗ chênh lệch tỷ giá	(21.272.490)	28.280.113	844.527.862	236.865.052
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	(11.782.217.940)	(37.129.421.487)	(11.782.217.940)	(40.410.426.792)
Chi phí khác	259.455.374	-	396.816.699	219.266.518
	3.443.181.786	(3.612.781.302)	14.525.811.471	7.940.897.576

28. Thu nhập khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản	331.185.480	124.342.320	4.008.585.454	965.433.224
Giảm khoản phải trả từ nhà cung cấp	2.259.534.515	2.334.589.907	6.868.467.858	6.081.320.485
Thu nhập khác	1.866.883.888	18.510.000	667.951.152	42.212.000
	4.457.603.883	2.477.442.227	11.545.004.464	7.088.965.709

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

29. Chi phí khác

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	56.767.833	353.569.556	822.540.296	1.184.038.287
Chi phí khác	307.531.025	130.557.335	502.203.247	145.392.895
	364.298.858	484.126.891	1.324.743.543	1.329.431.182

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	30/6/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tài sản thuế hoãn lại		
Dự phòng	-	4.745.384
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Chi phí trích trước	976.846.817	935.254.115
Lỗ tính thuế mang sang được ghi nhận	9.840.343.583	10.343.542.460
Tổng tài sản thuế hoãn lại	10.817.190.400	11.283.541.959
Nợ thuế hoãn lại		
Doanh thu chưa thực hiện	423.363.436	-
Tổng nợ thuế hoãn lại	423.363.436	-
	10.393.826.964	11.283.541.959

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/3/2009	31/3/2010	30/6/2009	30/6/2010
	VND	VND	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành				
Kỳ hiện hành	3.641.857.135	8.109.523.830	7.304.651.777	14.567.023.593
Chi phí/(lợi ích) thuế hoãn lại				
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	466.351.559	2.572.309.856	466.351.559	2.572.309.856
Chi phí thuế thu nhập	4.108.208.694	10.681.833.686	7.771.003.336	17.139.333.449

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	
Lợi nhuận trước thuế	23.960.085.346	56.760.220.415	41.131.439.568	72.881.689.565
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	5.990.021.337	14.190.055.104	10.282.859.892	18.220.422.390
Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế	691.884.820	677.798.563	1.062.291.298	1.100.647.399
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(3.184.734.911)	(4.167.383.904)	(4.375.012.066)	(5.235.505.558)
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	-	(1.107.713.872)	-	(4.797.284.353)
Ảnh hưởng của thu nhập chịu thuế suất cao	-	644.400.360	-	1.769.756.093
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	611.037.448	444.677.435	800.864.212	6.081.297.478
Chi phí thuế thu nhập	4.108.208.694	10.681.833.686	7.771.003.336	17.139.333.449

Tài sản thuế hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên sổ lỗ tính thuế của họ vì không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để các công ty con sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 25%. Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn được miễn thuế thu nhập trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế thu nhập cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2011).

Theo Thông tư 03/2009/TT-BTC, Công ty được giảm 30% nợ thuế thu nhập trong quý tư năm 2008 và cho năm 2009.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010 VNĐ	
Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty	18.096.427.610	40.853.111.230	27.763.681.731	46.864.882.192

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	Kỳ ba tháng kết thúc ngày 30/6/2010		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	24.995.572	20.139.979	24.995.572	20.139.979
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2010	(1.764)	-	(882)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cuối kỳ	24.993.808	20.139.979	24.994.690	20.139.979

32. Cổ tức

Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 25 tháng 12 năm 2009 đã quyết định chia cổ tức là 12.498 triệu VNĐ (5% mệnh giá của những cổ phiếu lưu hành tại ngày 15 tháng 1 năm 2010, là ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

Đại hội cổ đông ngày 16 tháng 4 năm 2010 quyết định chia cổ tức là 24.996 triệu VNĐ (10% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 21 tháng 5 năm 2010, ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng cổ tức).

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Công ty có quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty TNHH Sài Gòn Ford (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành (GM DAEWOO)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM-Daewoo và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)**

Các công ty con	Hoạt động chính	Giấy phép đầu tư số	% sở hữu
Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico (SAVICO - R Co., Ltd)	Kinh doanh động cơ điện, máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.	Giấy phép Kinh doanh số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và được điều chỉnh ngày 19 tháng 1 năm 2006 và ngày 12 tháng 10 năm 2007.	99%
Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố (HYUNDAI)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu Hyundai và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 0309553786 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2009.	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	93,33%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu SUZUKI và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%
Công ty TNHH Sài Gòn Viễn Đông	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu Honda và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 4102055390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2007.	55%
Công ty Cổ phần Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%
Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn	Kinh doanh và bảo trì xe hơi, xe chở hàng, thiết bị điện, đồ gỗ, vật liệu xây dựng, đại lý bảo hiểm.	Giấy phép Đầu tư số 0401337755 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 8 tháng 2 năm 2010.	51%

Công ty có mối quan hệ với các công ty liên doanh, công ty liên kết và các nhân sự điều hành chủ chốt của Công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

Giao dịch với các nhân sự điều hành chủ chốt

Tổng lương và thưởng cho các nhân sự điều hành chủ chốt như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009
	VND	VND
Các giám đốc	1.099.447.412	689.359.150
Cán bộ điều hành	544.979.790	368.164.558
Ban Kiểm soát	104.805.311	36.000.000
	1.749.232.513	1.093.523.708

Giao dịch với bên liên quan khác

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2010	30/6/2009
			VND	VND
Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	1.034.643.600	1.073.352.060
		Bán cho công ty liên kết	-	971.980.200
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Bến Thành Savico	Công ty liên kết	Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	625.372.000	844.803.300
		Vay từ công ty liên kết	900.000.000	-
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Cổ tức nhận từ công ty liên kết	808.974.928	-
		Vay từ công ty liên kết	9.000.000.000	-
		Mua hàng hóa từ công ty liên kết	6.605.818.182	-
		Bán hàng hóa cho công ty liên kết	-	132.484.000
Công ty TNHH Savico - Vinaland	Công ty liên kết	Phí tư vấn cho công ty liên kết	805.958.704	-

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

34. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2010	31/12/2009
	VNĐ	VNĐ
Trong vòng một năm	19.784.270.703	20.570.129.788
Từ hai đến năm năm	49.642.610.110	36.543.158.353
Sau năm năm	88.121.965.240	67.253.419.236
	157.548.846.053	124.366.707.377

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2010	30/6/2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí mua hàng hóa	1.531.137.015.719	996.767.688.895
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	38.568.024.590	29.834.674.016
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.850.400.795	4.960.725.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.930.661.782	30.104.904.612
Chi phí khác	14.353.734.638	11.594.816.572

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2010 (tiếp theo)

36. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày của năm như sau:

	31/12/2009 (trình bày lại) VNĐ	31/12/2009 (đã trình bày trước đây) VNĐ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất		
Phải trả khác	64.542.356.593	75.200.591.057
Doanh thu chưa thực hiện	107.177.969.464	-
Phải trả dài hạn khác	139.653.361.951	236.173.096.951
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (nợ hiện tại)	8.344.263.834	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi (vốn chủ sở hữu)	-	8.344.263.834

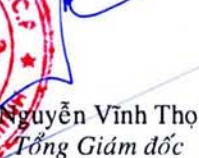
Người lập:



Hoàng Thị Thảo
Kế toán trưởng



Người duyệt:


Nguyễn Vĩnh Thọ
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2010